

Số: **702/2023/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 25 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 433/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 9/275 Nguyễn Sinh C, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn D, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 9/275 Nguyễn Sinh C, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn D thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn D có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/9/2014.

Vợ chồng thoả thuận giao cháu Lê Gia B cho anh Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng và chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. Về Án phí: Án phí thuận tình ly hôn và án phí cấp dưỡng chị T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006026 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Võ Dạ, thành phố Huế,
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng